

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:156/2018/HS-ST
Ngày 28-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Rolan Trương Thị Ánh Kim

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Ông Lê Viết Bình- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Nguyễn Đức T; Sinh ngày 07/3/1986; Tại: tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi cư trú: phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở trước khi phạm tội: 891 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 7/12; Tiền án: 04; Tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1962; Con bà: Đậu Thị H, sinh năm: 1964, trú tại: phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 chị em. Bị cáo có vợ là Phạm Thị T, sinh năm: 1996; Trú tại: 891 H, phường T, thành phố B. Bị cáo chưa có con.

Nhân thân: Sinh ra và lớn lên tại phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 06/02/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình

sự năm 1999, tại bản án số: 04/2007/HSST. Ngày 28/8/2007, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xoá án tích.

Ngày 13/8/2008, bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số: 233/2008/HSST. Ngày 28/2/2009, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xoá án tích.

Ngày 10/9/2009, bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt 01 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và 06 năm tù về tội Chiếm đoạt vũ khí quân dụng, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 năm tù, tại bản án số: 301/2009/HSST. Ngày 13/11/2009, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm tuyên phạt y án sơ thẩm, tại bản án số: 54/2009/HSPT. Ngày 26/01/2016, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xoá án tích.

Ngày 29/7/2016, bị Toà án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, xử phạt 09 tháng tù giam, về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số: 23/2016/HSST. Ngày 23/02/2017, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/3/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an tp. Buôn Ma Thuột; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Tạ Anh T; trú tại: 184/40 G, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; (Có mặt).

Người làm chứng:

-Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: 184/40 G, phường T, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

-Ông Lê Văn C; Địa chỉ: 184/38 G, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 24/3/2018, Toàn đi đến nhà anh Lê Văn C, tại địa chỉ: 184/38 G, phường T, thành phố B, để ăn nhậu. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T ra về trước, khi đi bộ ngang qua nhà anh Tạ Anh T tại địa chỉ: 184/40 G, phường T, thành phố B, T thấy cửa nhà mở, không có người trông coi nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh T để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. T trèo qua bờ tường, đi vào theo lối cửa phòng khách, đi vào phòng cạnh phòng bếp thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, đang cắm sạc pin. T rút dây sạc ra khỏi điện thoại, trộm cắp chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên phải. Sau đó T tiếp tục đi vào phòng ngủ, T mở ngăn tủ trộm cắp 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng và 01 thỏi son màu trắng, rồi bỏ vào túi quần Jean bên phải. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày

anh Tạ Anh T đi chơi về và biết có người đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản nên đã đóng cửa phòng khách để đi tìm. Khi anh T đi xuống phòng bếp thì T chạy ra hướng cửa phòng khách để tẩu thoát nhưng cửa đã bị đóng nên T trèo lên tấm phản tại phòng khách, dùng chiếu che lại, thì bị anh T phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên người T các tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 358567080352945; 01 nhẫn kim loại màu vàng, trên nhẫn có khắc hình con ngựa, bên trong bọc sợi màu đen và 01 thỏi son, trên vỏ có chữ MOI, là các tang vật chứng của vụ án. Tạm giữ 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, số Imei: 357331084618378, là các tài sản của T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 72/KLĐG ngày 02/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 358567080352945, trị giá: 150.000 đồng;
- 01 thỏi son hình hộp chữ nhật kích thước (2x2x8)cm, hiệu MOI, màu trắng, không xác định được giá trị vì vật rẻ tiền mau hỏng và đã qua sử dụng;
- 01 nhẫn kim loại màu vàng, trên nhẫn có khắc hình con ngựa, hàm lượng vàng 48,39%, trọng lượng 0,634 chỉ, trị giá: 902.182 đồng. Tổng giá trị tài sản: 1.052.182 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 173/CT-VKS ngày 12/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã quyết định truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn T từ 12 đến 15 tháng tù;

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự đề nghị:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả các tài sản:

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 358567080352945; 01 thỏi son hình hộp chữ nhật kích thước (2x2x8)cm, hiệu MOI, màu trắng và 01 nhẫn kim loại màu vàng, trên nhẫn có khắc hình con ngựa, hàm lượng vàng 48,39%, trọng lượng 0,634 chỉ cho anh Tuấn nhận quản lý, sử dụng.

Đối với các tài sản gồm: 01 chứng minh nhân dân số 184327933, mang tên Nguyễn Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, số Imei: 357331084618378, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo T, không sử dụng vào việc phạm tội, nên trả lại cho T nhận quản lý, sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận về nội dung luận tội, không phát biểu lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của Nguyễn Văn T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện; phù hợp với tang vật của vụ án là tài sản bị cáo đã chiếm đoạt ... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 24/3/2018, tại địa chỉ: 184/40 G, phường T, thành phố B, Nguyễn Văn T đã lén lút trộm cắp các tài sản của ông Tạ Anh T, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 358567080352945; 01 thỏi son hiệu MOI, màu trắng và 01 nhẫn kim loại màu vàng, trên nhẫn có khắc hình con ngựa, bên trong bọc sợi màu đen, thì bị bắt quả tang. Xác định tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp là: 1.052.182 đồng. Bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

a)

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.”

[3] Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, là một trong những quyền về tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ khả năng nhận thức và

điều khiển hành vi của mình; thế nhưng chỉ vì ham lợi bất chính không chịu lao động, không có thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu cuộc sống của bản thân, mà bị cáo đã không tôn trọng pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, cố ý thực hiện hành vi trộm cắp gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ở địa phương nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do bị cáo gây ra. Trước khi phạm tội lần này, bị cáo đã nhiều lần bị trừng trị, cải tạo và giáo dục về tội trộm cắp tài sản; mặc dù đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn không biết sửa chữa lỗi lầm, chí thú làm ăn lương thiện để làm lại cuộc đời; điều đó thể hiện bị cáo không tôn trọng pháp luật, không có khả năng tự cải tạo; vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo trong mức đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, đồng thời mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi được tài sản trả lại cho người bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng.

[4] Về các biện pháp tư pháp: Đối chiếu với các quy định tại các Điều 47 Điều 48, Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Buôn Ma Thuột đã trao trả các tài sản:

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 358567080352945; 01 thời son hình hộp chữ nhật kích thước (2x2x8)cm, hiệu MOI, màu trắng và 01 nhẫn kim loại màu vàng, trên nhẫn có khắc hình con ngựa, hàm lượng vàng 48,39%, trọng lượng 0,634 chỉ cho ông Tạ Anh Tuấn là chủ sở hữu quản lý, sử dụng, ông Tuấn đã nhận đủ tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Đối với các tài sản gồm: 01 chứng minh nhân dân số 184327933, mang tên Nguyễn Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, số Imei: 357331084618378, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo T, không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho T nhận quản lý, sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 (Một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/3/2018).

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã trả các tài sản sau cho anh Tạ Anh T gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 358567080352945; 01 thỏi son hình hộp chữ nhật kích thước (2x2x8)cm, hiệu MOI, màu trắng và 01 nhẫn kim loại màu vàng, trên nhẫn có khắc hình con ngựa, hàm lượng vàng 48,39%, trọng lượng 0,634 chỉ.

Đối với các tài sản gồm: 01 chứng minh nhân dân số 184327933, mang tên Nguyễn Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, số Imei: 357331084618378, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo T, không sử dụng vào việc phạm tội, nên trả lại cho T nhận quản lý, sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án (Có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

-Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại, đương sự.
- VKSND tỉnh, VKSND Tp.BMT ;
- TAND tỉnh, Công an Tp.BMT;
- CCTHA DSTP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chánh án;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Vĩ